

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Ông Trần Hoài Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lục Văn V**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Chu Thị S**, sinh năm 1999

Địa chỉ: **Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái**

Hiện cư trú tại: **Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái** (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh **Lục Văn V** trình bày: Tôi và chị **Chu Thị S** tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/2021 đến ngày 05/5/2021 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng không thống nhất. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra và hiện nay chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề

ngợi Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị **S**.

Về con chung: Có 01 cháu **Lục Nguyễn K** sinh ngày 15/9/2021. Hiện nay cháu **K** đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu **K** và không yêu cầu chị **S** cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay buôn bán và làm thuê tại nhà, thu nhập một tháng khoảng 8.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V** đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị **Chu Thị S** trình bày: Tôi và anh **Lục Văn V** tự nguyện về chung sống với nhau từ tháng 01/2021 đến ngày 05/5/2021 chúng tôi tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **V**, tỉnh **Yên Bái**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống của vợ chồng không thống nhất. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra và hiện nay chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2023 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Anh **V** xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu **Lục Nguyễn K** sinh ngày 15/9/2021. Hiện nay cháu **K** đang ở cùng anh **V**. Khi ly hôn anh **V** nhận nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con. Tôi đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **S** đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho chị **S**. Nhưng chị **S** không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh **Lục Văn V** được ly hôn chị **Chu Thị S**.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu **Lục Nguyễn K** sinh ngày 15/9/2021 cho anh **Lục Văn V** nuôi dưỡng. Chị **Chu Thị S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V** và chị **S** tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh **Lục Văn V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lục Văn V** và chị **Chu Thị S** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã **Y**, huyện **V**, tỉnh **Yên Bái** vào ngày 05 tháng 5 năm 2021 là hôn nhân hợp pháp. Anh **Lục Văn V** và chị **Chu Thị S** đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai anh chị đều cho rằng do tính cách vợ chồng không hợp nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh **V** xin ly hôn. Chị **S** đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh **V** xin ly hôn. Chị **S** đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh **V** và chị **S** đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh **V** được ly hôn chị **S** là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu **Lục Nguyên K** sinh ngày 15/9/2021. Khi ly hôn anh chị thoả thuận anh **V** nuôi con và chị **S** không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu **K** được ổn định, đầy đủ và không làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Do vậy cần giao cháu **K** cho anh **V** nuôi dưỡng, chị **S** không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của anh **V** về nuôi con chung không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh **V** và chị **S** tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Anh **Lục Văn V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Lục Văn V** được ly hôn chị **Chu Thị S**.
2. Về con chung: Có 01 cháu **Lục Nguyên K** sinh ngày 15/9/2021.

Xử giao cháu **Lục Nguyên K** cho anh **Lục Văn V** trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Chị **Chu Thị S** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh **Lục Văn V** phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0000024 ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh **Lục Văn V** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự (2)
- UBND xã Y.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

Chu Thị Thoảng